

Số: /QĐ-UBND

Cam Ranh, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022
trên địa bàn thành phố Cam Ranh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Kế hoạch số 9334/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2022 và Kế hoạch số 76/KH-SLĐTBXH ngày 03/10/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Khánh Hòa về việc triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 4783/KH-UBND ngày 06/10/2022 của UBND thành phố Cam Ranh về việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu

nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn thành phố Cam Ranh năm 2022.

Theo đề nghị của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 728/TTr-LĐTBXH ngày 09/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn thành phố Cam Ranh, cụ thể như sau:

- Tổng số hộ dân tại thời điểm rà soát: 37.274 hộ, 141.133 khẩu.
- Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo: 2.798 hộ, 10.813 khẩu, tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo: 7,51%. Trong đó:
 - + Số hộ nghèo: 588 hộ, 2.096 khẩu; tỷ lệ hộ nghèo: 1,58%.
 - + Số hộ cận nghèo: 2.210 hộ, 8.717 khẩu; tỷ lệ hộ cận nghèo: 5,93%.

(Kèm theo: Bảng tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố Cam Ranh năm 2022; Hệ thống biểu báo cáo, gồm 13 mẫu báo cáo: 7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.5; 7.6; 7.7; 7.8; 7.9; 7.10a; 7.10b; 7.11; 7.12)

Điều 2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở đánh giá kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo năm 2022. Đồng thời, là cơ sở để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách phát triển kinh tế, xã hội khác của Nhà nước trong năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND thành phố, Trưởng phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như điều 3;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Lao động – TB&XH tỉnh Khánh Hòa;
- TT. Thành ủy, HĐND, UBND TP;
- UBMTTQVN TP,
- Các tổ chức chính trị - xã hội TP;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch TP;
- PGD Ngân hàng CSXH TP;
- Bảo hiểm xã hội TP;
- Lưu:VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Thạch

TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CAM RANH NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2022 của UBND thành phố Cam Ranh)

TT	Xã/Phường	Tổng số hộ dân cư (tại thời điểm rà soát)		Tổng số hộ nghèo			Tổng số hộ cận nghèo			Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo		
		Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Số khẩu	Tỷ lệ	Số hộ	Số khẩu	Tỷ lệ	Số hộ	Số khẩu	Tỷ lệ
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6	7	8=6/1	9	10	11=9/1
I	Khu vực thành thị	25.868	98.620	151	542	0,58	1.429	5.722	5,52	1.580	6.264	6,11
1	Phường Cam Nghĩa	4.270	14.913	19	69	0,44	197	887	4,61	216	956	5,06
2	Phường Cam Phúc Bắc	3.801	14.364	20	60	0,53	167	575	4,39	187	635	4,92
3	Phường Cam Phúc Nam	1.856	8.439	21	90	1,13	174	688	9,38	195	778	10,51
4	Phường Cam Phú	2.539	9.432	10	40	0,39	54	197	2,13	64	237	2,52
5	Phường Cam Thuận	2.743	11.072	7	18	0,26	150	587	5,47	157	605	5,72
6	Phường Cam Lộc	2.334	7.799	0	0	0	7	29	0,30	7	29	0,30
7	Phường Cam Lợi	2.279	9.332	14	42	0,61	172	748	7,55	186	790	8,16
8	Phường Cam Linh	2.632	10.185	5	25	0,19	115	402	4,37	120	427	4,56
9	Phường Ba Ngòi	3.414	13.084	55	198	1,61	393	1609	11,51	448	1.807	13,12
II	Khu vực nông thôn	11.406	42.513	437	1.554	3,83	781	2.995	6,85	1.218	4.549	10,68
10	Xã Cam Thành Nam	1.615	6.134	32	152	1,98	56	201	3,47	88	353	5,45
11	Xã Cam Phước Đông	3.771	14.611	111	379	2,94	547	2226	14,51	658	2.605	17,45
12	Xã Cam Thịnh Đông	2.513	8.103	37	96	1,47	110	293	4,38	147	389	5,85
13	Xã Cam Thịnh Tây	1.465	5.549	228	836	15,56	21	91	1,43	249	927	17,00
14	Xã Cam Bình	1.424	5.719	17	61	1,19	25	109	1,76	42	170	2,95
15	Xã Cam Lập	618	2.397	12	30	1,94	22	75	3,56	34	105	5,50
Toàn thành phố		37.274	141.133	588	2.096	1,58	2.210	8.717	5,93	2.798	10.813	7,51